

Số: 3276 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050; Các Quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh đã được phê duyệt;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 2829/TTr-KHĐT ngày 19 tháng 11 năm 2014 và Văn bản số 3100/KHĐT-THQH ngày 17/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt và Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, gắn với các địa bàn lân cận thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh.

2. Phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phù hợp với các mục tiêu “Tăng trưởng xanh” của Tỉnh Quảng Ninh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HDH; phát triển khu vực dịch vụ gắn chặt với phát triển công nghiệp; cơ cấu nông - lâm - thủy sản chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

3. Phát triển dựa trên cơ sở phát huy tối đa nguồn nội lực của huyện đồng thời tăng cường quan hệ liên kết thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển.

4. Phát triển dựa trên yếu tố mang tính dài hạn là nguồn nhân lực có chất lượng, văn hóa văn minh và sự hài hòa về môi sinh.

5. Phát triển phải dựa trên sự đồng thuận, đồng bộ và tạo sức mạnh lan tỏa rộng.

6. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng huyện Hải Hà trở thành huyện công nghiệp, dịch vụ, với hai khâu đột phá là: xây dựng khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà và phát triển kinh tế biên mậu khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh; Phát triển kinh tế biển, phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, từng bước phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Huyện Hải Hà trở thành trung tâm kinh tế mang tính liên kết và hỗ trợ phát triển trong chuỗi hành lang kinh tế ven biển; là huyện phát triển toàn diện về kinh tế gắn liền với xây dựng nông thôn mới, tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, văn hóa - giáo dục, y tế; thực hiện tốt các chính sách xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của các tầng lớp dân cư. Xây dựng nền quốc phòng, an ninh vững mạnh, đảm bảo biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (GTTT) bình quân giai đoạn 2012-2020 đạt bình quân 16,8 %/năm, trong đó: giai đoạn 2012-2015 đạt bình quân 13,5%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt bình quân 18,8%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt bình quân khoảng 15,7%/năm.

- Cơ cấu kinh tế năm 2015, công nghiệp - xây dựng chiếm 26,7%; dịch vụ chiếm 36,1%; nông nghiệp chiếm 37,2%. Năm 2020, công nghiệp - xây dựng chiếm 40,0%; dịch vụ chiếm 37,0%; nông nghiệp chiếm 23,0%. Năm 2030,

công nghiệp - xây dựng chiếm 51,0%; dịch vụ chiếm 39%; nông nghiệp chiếm 10,0%.

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người (giá hiện hành) năm 2020 đạt khoảng 5.980 USD; năm 2030 đạt khoảng 17.100 USD.

- Thu ngân sách: Phần đầu tổng thu ngân sách nội địa bình quân giai đoạn 2013-2015 tăng 6-7%, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân từ 9-10 % và giai đoạn 2020-2030 tăng bình quân từ 10 - 12%.

b) Mục tiêu về văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo :

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1,14% vào năm 2015 và khoảng 1,0% vào năm 2020 và dưới 0,9% vào năm 2030; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 7,0% vào năm 2015, dưới 2,0% vào năm 2020 và dưới 0,4% vào năm 2030.

- Phần đầu giải quyết việc làm mới hàng năm từ 1.200 lao động trở lên giai đoạn 2012- 2015 và từ 1.800 lao động trở lên giai đoạn 2016-2020; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 65% và đến năm 2030 đạt trên 80%.

- Đến năm 2015 đảm bảo 100% phòng học kiên cố, các trường được đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

- Phần đầu 65% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015; đạt 70-75% vào năm 2020 và đạt trên 90% năm 2030; Phần đầu đạt 65% số trường trung học đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015; đạt 85-90% vào năm 2020 và đạt 95% vào năm 2030.

- Duy trì tốt kết quả phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Phần đầu huy động trẻ em trong độ tuổi 0-2 tuổi ra các nhóm trẻ đạt 18 – 20% vào năm 2015 và 25 – 30% năm 2020, huy động trẻ 3 – 5 tuổi ra các lớp mẫu giáo đạt 80 – 85% vào năm 2015 và đạt 85 – 90% vào năm 2020.

- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 95% vào năm 2015 và trên 98% vào năm 2020.

- Tỷ lệ bác sỹ đạt 6,5 bác sỹ/vạn dân đến năm 2015 và 9 bác sỹ/vạn dân đến năm 2020; Số giường bệnh đạt mức 20 giường/vạn dân đến năm 2015 và 25 giường/vạn dân đến năm 2020; Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 14,3% đến năm 2015, dưới 12,5% đến năm 2020 và dưới 5% đến năm 2030;

- Phần đầu tỷ lệ thôn, khu phố văn hóa đạt danh hiệu thôn, khu phố văn hóa đạt 65-70% đến năm 2015 và đạt 70-80% đến năm 2020; Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 80% đến năm 2015 và đạt 85-90% đến năm 2020;

- Tỷ lệ số thôn, bản, khu phố có nhà văn hóa – khu thể thao đạt 50% vào năm 2015 và 70% vào năm 2020; Đến năm 2015 có 12 xã có nhà văn hóa – khu thể thao đạt chuẩn và đến năm 2020 có 15 xã có nhà văn hóa – khu thể thao đạt chuẩn;

c) Về bảo vệ môi trường:

- Đến năm 2015: Phần đầu tỷ lệ che phủ rừng đạt 59%; thực hiện thu gom

90% chất thải rắn ở đô thị; 100% các khu công nghiệp, bệnh viện và các điểm du lịch có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường

- Đến năm 2020: Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 59%; phấn đấu trên 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Duy trì tỉ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt 100%.

d) Về xây dựng nông thôn mới:

Phấn đấu đến 2015 có 12/15 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2020 hoàn thành 100% các xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

e) Về đảm bảo quốc phòng - an ninh:

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

III. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực:

1. Phát triển công nghiệp - xây dựng:

- Phát triển công nghiệp là khâu trọng tâm, đột phá để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và trở thành ngành kinh tế chủ đạo tạo sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 19,6%/năm giai đoạn 2012-2015; đạt 29,9%/năm giai đoạn 2016-2020, đạt 18,9%/năm giai đoạn 2021-2030.

- Phát triển công nghiệp xanh thân thiện với môi trường với công nghệ hiện đại như: công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm; công nghiệp dệt may. Ưu tiên phát triển các ngành chủ lực như sau: (1) Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu dệt may; (2) Công nghiệp chế biến nông sản – thực phẩm.

- Phát triển triển ngành sản xuất công nghiệp nặng và sản xuất công nghệ cao; xây dựng cảng tổng hợp, cảng nước sâu, cảng chuyên dụng; hệ thống kho cảng chuyên dụng xuất nhập khẩu xăng dầu; công nghiệp vật liệu xây dựng; các ngành công nghiệp phụ trợ và hệ thống cảng tổng hợp phục vụ khu công nghiệp; Công nghiệp dệt – may – thiết kế thời trang tại Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà. Từ nay đến năm 2015 chuẩn bị những điều kiện cơ bản để hình thành và phát triển Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà về hạ tầng giao thông, hoàn thiện trục đường nối QL18A đến Khu Công nghiệp - Cảng biển, cơ bản hình thành và phát triển mạng đô thị và phân bố dân cư cũng như các dịch vụ hạ tầng nhằm tạo sự phát triển bền vững của Khu Công nghiệp – Cảng biển. Sau năm 2015 chuẩn bị và đầu tư một số công trình công nghiệp cơ bản tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của toàn khu. Tích cực xúc tiến đầu tư để vào khoảng năm 2020 cơ bản hình thành hoàn chỉnh một Khu Công nghiệp - Cảng biển hiện đại và bền vững.

- Xây dựng mới cụm công nghiệp xã Quảng Phong, cụm công nghiệp Quảng Đức. Trong đó: thu hút các ngành nghề chế biến thủy sản và xuất khẩu, chế biến thức ăn gia súc, chế biến chè, chế biến gỗ và sản xuất gạch, vật liệu xây dựng, dịch vụ tổng hợp, công nghiệp phụ trợ vào cụm công nghiệp xã Quảng Phong; các ngành nghề: sản xuất các sản phẩm gỗ, vật liệu xây dựng, thực phẩm chế biến dự kiến có giá trị gia tăng cao vào cụm công nghiệp Quảng Đức.

2. Phát triển thương mại, dịch vụ:

- Phát triển các dịch vụ theo hướng đa dạng hóa hoạt động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng các dịch vụ thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng xã hội và xuất khẩu, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phân đầu tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2012-2015 đạt 14,7%/năm giai đoạn 2016-2020 đạt 19,0%/năm, giai đoạn 2021-2030 đạt 15,3%.

- Tập trung khai thác có hiệu quả 02 trung tâm: Thị trấn Quảng Hà và Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh, đồng thời phát triển gắn chặt với phát triển Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà. Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh trở thành một cửa khẩu đầu mối giao thương hàng hóa đa chức năng; trung tâm giao dịch thương mại, bán buôn, bán lẻ; trung tâm thu phát hàng xuất nhập khẩu; trung tâm thanh toán biên mậu. Nghiên cứu chuyển đổi mô hình quản lý đối với các chợ phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Phát triển du lịch sinh thái tại đảo Cái Chiên. Quy hoạch vùng du lịch sinh thái nông nghiệp, nhà kèm diện tích trồng trọt, dịch vụ, thương mại... Xây dựng hồ Trúc Bài Sơn trở thành điểm du lịch của huyện tạo thành điểm vui chơi, giải trí của nhân dân trong và ngoài huyện. Nghiên cứu tuyến du lịch biển đảo Trà Cổ - Vĩnh Thục - Vĩnh Trung - Cái Chiên - Vân Đồn - Hạ Long. Đầu tư phát triển tuyến du lịch biên giới Bình Liêu - Hải Hà - Móng Cái kết nối ba cửa khẩu Hoàn Mô - Bắc Phong Sinh - Móng Cái.

- Phát triển các phương tiện vận tải hàng hoá đường bộ, đường thủy nhằm tạo thêm năng lực vận chuyển và lưu thông hàng hoá khuyến khích nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia hoạt động này để phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa từ Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà theo các tuyến: Luồng vận chuyển hàng hóa nội địa, luồng vận chuyển hàng hóa biên mậu Móng Cái, luồng vận chuyển hàng hóa tới cửa khẩu Bắc Phong Sinh, luồng vận chuyển kết nối trực tiếp đường cao tốc, QL18 với Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà.

- Mở rộng hoạt động tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, tăng thêm các điểm giao dịch ngân hàng - tín dụng trên cơ sở hiện đại hoá công nghệ ngân hàng - tín dụng. Nâng cao chất lượng dịch vụ của hệ thống tài chính - ngân hàng, đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư và lưu thông tiền tệ trên địa bàn huyện.

- Mở rộng các dịch vụ internet cũng như truyền internet với tốc độ cao. Phân đầu đến năm 2015 đưa tỷ lệ thuê bao điện thoại lên 125 máy/100 dân năm 2015 và 160 máy/100 dân năm 2020.

3. Phát triển nông nghiệp:

Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 5,7%/năm giai đoạn 2012-

2015; đạt 5,8%/năm giai đoạn 2016-2020 và đạt 5%/năm giai đoạn 2021-2030.

- Trồng trọt: Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật gắn với công nghiệp chế biến, công nghệ sau thu hoạch, gắn với thị trường trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa các khâu: sản xuất - chế biến - thị trường với các sản phẩm có lợi thế so sánh như: chè; rau, đậu thực phẩm; hoa, cây cảnh. Nghiên cứu xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các sản phẩm rau, củ, quả, hoa để tạo ra sản phẩm chất lượng cao và có khả năng cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu thị trường và hướng tới xuất khẩu.

- Chăn nuôi: phát triển theo hướng công nghiệp, sản xuất hàng hóa tập trung; chuyển từ phương thức chăn nuôi truyền thống, phân tán, quy mô nhỏ sang chăn nuôi trang trại quy mô công nghiệp, bán công nghiệp gắn với phòng trừ dịch bệnh và kiểm soát được môi trường. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp để đưa ngành chăn nuôi trở thành một động lực tăng trưởng và đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính trong sản xuất nông nghiệp.

- Lâm nghiệp: Duy trì, ổn định diện tích rừng phòng hộ (gồm rừng phòng hộ đầu nguồn khu vực hồ Trúc Bài Sơn, đầu nguồn các sông lớn và rừng phòng hộ ven biển). Phát triển cây đa mục đích vừa có chức năng phòng hộ, vừa có hiệu quả kinh tế; phục hồi phát triển rừng ngập mặn. Xây dựng các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo hướng thâm canh nhằm đảm bảo nguyên liệu cho chế biến và tăng hiệu quả sử dụng đất, sản xuất nông - lâm kết hợp; Nghiên cứu phát triển các vùng sản xuất tập trung cây lâm sản ngoài gỗ; cây năng lượng sinh học và phát triển nông nghiệp dưới tán rừng. Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên: bảo vệ, khoanh nuôi, làm giàu rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng để tạo nguồn cung cấp gỗ lớn, các lâm sản khác và dịch vụ môi trường.

- Thủy sản: Hình thành các vùng nuôi thủy sản mặn, lợ tập trung theo phương thức công nghiệp, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; Đa dạng hóa các loại hình nuôi, nghiên cứu phát triển nuôi cá lồng biển, trồng tảo lấy dầu, nuôi hải sâm cát,... Tập trung hướng đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, kết hợp lực lượng kiểm ngư, thuế, cảnh sát biển, dân quân biển... bảo vệ quốc phòng – an ninh và phát triển nguồn lợi hải sản. Hoàn thiện nâng cấp cảng cá, các cơ sở dịch vụ nghề cá. Hình thành các vùng chuyên môn hoá khai thác, nuôi trồng thủy sản ven bờ. Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển, đặc biệt sớm hoàn thiện hệ thống thông tin tàu cá nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các tai nạn, rủi ro trên biển, cứu hộ cứu nạn.

4. Các lĩnh vực văn hóa – xã hội:

a. Giáo dục - đào tạo:

- Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn về giáo dục gồm xây mới và nâng cấp các điểm trường, phòng học, phòng học chức năng, công trình phụ trợ, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Đến năm 2015 đảm bảo 100% phòng học kiên cố, các trường được đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

- Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ và

phương pháp giảng dạy... để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phần đầu tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ trên chuẩn đến năm 2015 là 60%, đến năm 2020 trên 70% và đến năm 2030 trên 85%.

- Tập trung đào tạo nhân lực phục vụ cho Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải, các ngành dịch vụ gắn với cửa khẩu Bắc Phong Sinh. Đào tạo lao động phục vụ cho phát triển nông nghiệp, tập trung vào nhân lực cho khai thác và nuôi trồng thủy sản; Liên kết với các trung tâm đào tạo nghề của tỉnh mở các lớp đào tạo ngắn và trung hạn. Liên kết trực tiếp với các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động để xác định loại hình và đối tượng đào tạo.

b. Y tế:

- Phần đầu đến năm 2015: 100% các xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế; các trạm y tế, bệnh viện cơ bản đủ trang thiết bị y tế theo danh mục tiêu chuẩn của Bộ Y tế; 100% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vacxin phòng bệnh. Đến năm 2020: Duy trì và phát huy thành quả công tác tiêm chủng đã đạt được; nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; phần đầu 100% trạm y tế xã có bác sỹ;

- Nâng cấp, mở rộng bệnh viện theo chuyên khoa, chú trọng các khoa mũi nhọn như ngoại, sản, nhi, cấp cứu. Xây dựng phòng khám đa khoa tại các xã vùng cao Quảng Đức, Quảng Sơn. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, kết hợp quân - dân y, đông - tây y trong công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh. Khuyến khích phát triển các phòng khám đa khoa tư nhân tại các cụm dân cư, các khu công nghiệp, du lịch và các khu vực xa cơ sở y tế công lập. Phát triển các dịch vụ chữa bệnh kỹ thuật cao, tư vấn sức khỏe, mô hình "bác sỹ gia đình".

- Nghiên cứu áp dụng thực hiện dịch vụ y tế với quy mô lớn, chi phí thấp, đặc biệt là tại các vùng sâu vùng xa. Trạm y tế di động có nhân viên y tế cung cấp dịch vụ cho những khu vực khó tiếp cận (thường là vùng sâu, vùng xa); Tổng đài y tế (bác sỹ qua điện thoại) cung cấp dịch vụ y tế 24/24 trên diện rộng.

c. Văn hóa - thông tin - thể dục thể thao:

- Phát triển văn hoá thông tin gắn với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, bảo tồn văn hoá truyền thống nét văn hoá tiêu biểu của huyện, chú trọng văn hoá dân tộc thiểu số vùng cao, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc. Xây dựng thư viện theo hướng điện tử và xây dựng các phòng đọc từ huyện đến xã, thị trấn và các điểm đọc sách tại nhà văn hóa thôn, bản, khu phố. Từng bước đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá từ huyện đến cơ sở (khu vui chơi văn hoá, nhà văn hoá, phòng đọc, thư viện cấp xã, thị trấn.

- Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao; nhà thi đấu đa năng có phòng tập năng khiếu, bể bơi, nhà biểu diễn nghệ thuật và cải tạo sân vận động của huyện.

- Phát triển hạ tầng truyền thông, đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ internet công cộng, rút ngắn khoảng cách về công nghệ số, hoàn thiện hạ tầng dịch vụ chính quyền điện tử; xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin truyền thông cấp xã;

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

a) Hệ thống giao thông:

- Đường bộ: Hoàn thiện tuyến đường nối QL18A với Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà. Xây dựng tuyến đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái đoạn đi qua huyện; Tuyến đường Khu Công nghiệp - cảng biển Hải Hà - nối đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái trong giai đoạn 2016-2020. Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Móng Cái đến cảng Hải Hà trước năm 2030 (đoạn đi qua huyện Hải Hà).

- Giao thông vận tải biển: Quy hoạch cảng biển Hải Hà theo hướng trở thành điểm trung chuyển container từ các cửa khẩu Móng Cái, Bắc Phong Sinh đi Hải Phòng. Phát triển Cảng Hải Hà như một cảng dành cho thương mại xuyên biên giới vào thị trường miền Nam Trung Quốc; điểm kết nối thương mại giữa ASEAN - Việt Nam - Trung Quốc. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cảng nổi đa năng của Xí nghiệp cơ khí Quang Trung. Đầu tư mở rộng, nâng cấp và hoàn thiện các điều kiện thành bến cảng trung tâm của huyện tại Khu vực cửa sông Hà Cối; Hoàn thiện bến tàu khách ở bến cập tàu số 2 đảo Cái Chiên để có tuyến giao thông thủy đưa đón khách Hà Cối - Cái Chiên tạo điều kiện cho sản xuất và dịch vụ phát triển.

- Phân đầu đến năm 2015 nâng cấp lại bến xe khách Hải Hà theo tiêu chuẩn bến xe khách loại 3.

b) Hạ tầng cấp điện:

- Lưới điện cao áp: Xây dựng mới 01 trạm công suất (2x250 + 3x63) MVA cấp điện cho Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà; Trạm biến áp Hải Hà điện áp 220/110KV quy mô công suất 1x250MVA vận hành năm 2014 - 2015; giai đoạn 2016 - 2020 lắp máy T2 công suất 250MVA nâng công suất trạm 2x250MVA; Xây mới 10 trạm 110/22 KV, công suất mỗi trạm 2x40MVA cấp cho khu công nghiệp; Xây dựng trục 220 KV từ Mông Dương tới Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà; Nghiên cứu xây dựng nhà máy Nhiệt điện phục vụ công nghiệp dệt may của công ty Texhong công suất >2000 MW.

- Lưới điện trung áp: Cấp điện áp 22kV được tiêu chuẩn hóa cho phát triển lưới điện trung áp trên địa bàn huyện, phát triển lưới điện 22kV tại các khu đô thị mới, nội thị, khu dân cư mới, các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và các khu trên địa bàn huyện có mật độ phụ tải cao, bán kính cấp điện không lớn; Tiếp tục duy trì và phát triển lưới 35kV hiện tại nhằm đảm bảo nhiệm vụ cung cấp điện cho các phụ tải ở xã Đường Hoa, xã Tiến Tới, những khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi;

- Nghiên cứu xây dựng đưa điện lưới ra xã đảo Cái Chiên.

c) Hệ thống thủy lợi và cấp nước:

- Thủy lợi: Sửa chữa nâng cấp Hồ Trúc Bài Sơn, xây mới hồ Tài Chi, Tu bổ kiên cố hoá các tuyến đê biển, cải tạo, nâng cấp các đập dâng nước và hệ thống kênh mương cấp I, II, III. Phân đầu đảm bảo chủ động tưới tiêu cho 85% diện tích canh tác vào năm 2015 và 90% diện tích vào năm 2020.

- Cấp nước:

+ Xây dựng mới một số trạm cấp nước sạch tại các xã: Quảng Minh; Quảng Phong; Cái Chiên; Quảng Sơn. Xây dựng một số giếng khơi, giếng khoan, bể chứa cho các hộ gia đình vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng ngập mặn ...không lấy được nguồn nước máy.

+ Phát triển hệ thống cấp nước cho Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà: Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước sông Hà Cối và hồ Trúc Bài Sơn, tạo hồ lấy nước từ sông Pồ Lô. Để cấp nước cho các đô thị và Khu công nghiệp, dự kiến huyện Hải Hà sẽ xây dựng nhà máy nước sông Hà Cối; Giai đoạn dài hạn giữ nguyên nhà máy nước Quảng Hà công suất 6.000m³/ngày đêm, xây dựng mới nhà máy nước Quảng Minh lên 80.000m³/ngày đêm, bổ sung thêm nguồn nước sông Tài Chi sau khi hồ Tài Chi được xây dựng.

6. Bảo vệ môi trường:

- Đối với vùng môi trường rừng: Nghiêm cấm chặt phá, đốt rừng bừa bãi. Bảo tồn, cấm săn bắt các loài chim, thú quý hiếm. Hướng dẫn cho người dân các biện pháp kỹ thuật tái sinh rừng tự nhiên, trồng cây công nghiệp. Giáo dục ý thức bảo vệ rừng, hạn chế và tiến tới xoá bỏ tập quán đốt rừng làm rẫy. Ưu tiên phát triển kinh tế lâm nghiệp kết hợp bảo vệ rừng. Quy hoạch xây dựng hồ Tài Chi - hồ Trúc Bài Sơn (hồ chứa, đập dâng) để lấy nước phục vụ nông nghiệp các xã phía dưới và là nguồn cung cấp nước sinh hoạt quan trọng trong huyện.

- Đối với vùng môi trường nông thôn: cần quy hoạch hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước thải, thu gom và xử lý rác thải tập trung. Trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt quy trình sản xuất nông nghiệp VietGAP, sử dụng hợp lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, tăng cường dùng phân bón vi sinh.

- Đối với vùng môi trường đô thị: Xây dựng phương án thu gom và xử lý rác thải nguy hại. Xây dựng dự án cải tạo và lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước sinh hoạt cho toàn vùng môi trường, để tận dụng hết công suất nhà máy xử lý nước của thị trấn. Phòng tránh nguy cơ tai biến sạt lở bờ sông Hà Cối, trượt lở đất trên các đoạn đường xung yếu.

- Vùng công nghiệp: Thu gom rác thải công nghiệp, chất thải rắn nguy hại, xử lý nước thải công nghiệp đối với các cơ sở công nghiệp (Đặc biệt là Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà) và khai thác khoáng sản. Ngăn ngừa các tai biến thiên nhiên như đổ lở, trượt lở đất, đá do phát quang, khai thác khoáng sản.

- Vùng môi trường ven biển và hải đảo: Chú trọng bảo vệ và nâng cấp hệ thống đê biển. Bảo vệ các hệ sinh thái rừng ngập mặn hiện đang có nguy cơ suy giảm mạnh. Xây dựng phương án phòng tránh nguy cơ ô nhiễm môi trường nước do phát triển Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà sẽ được xây dựng trong tương lai gần.

- Vùng môi trường biên giới và cửa khẩu: Cảnh giác với những nguy cơ về lan truyền ô nhiễm xuyên biên giới do các cơ sở công nghiệp, khai khoáng và đô thị của Tỉnh Quảng Tây- Trung Quốc nằm gần biên giới. Xây dựng quy chế bảo

vệ môi trường, các chính sách liên quan phát triển bền vững về mặt kinh tế- xã hội trong khu kinh tế cửa khẩu.

7. Nông thôn mới:

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xác định xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2011 - 2015. Tập trung triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới.

8. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh quốc phòng:

Tổ chức tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là phong trào tự quản vùng biên giới, vùng biển; tự quản về an ninh trật tự trong các doanh nghiệp, các khu phố và thôn, bản. Di dân dân ra khu vực biên giới, khu kinh tế quốc phòng, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời xây dựng vành đai biên giới vững chắc về quốc phòng, an ninh. Từng bước củng cố mối quan hệ hữu nghị với Thành phố Cảng Phòng Thành – Quảng Tây - Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội, quản lý và bảo vệ đường biên giới, phối hợp phòng chống tội phạm, vừa đảm bảo vững chắc chủ quyền lãnh thổ, vừa tạo môi trường thuận lợi để tăng cường hợp tác phát triển.

Chăm lo xây dựng lực lượng Công an, Quân đội vững mạnh, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, đồng thời thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Củng cố lực lượng, đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực biển đảo. Tổ chức phối hợp thống nhất các lực lượng để kiểm soát vùng biển, chống lại các âm mưu lấn chiếm lãnh thổ, lấn chiếm ngư trường và ngăn chặn buôn bán bất hợp pháp trên biển đảo.

IV. Tổ chức không gian kinh tế - xã hội:

1. Vùng kinh tế:

a. Vùng kinh tế phía Bắc: gồm 6 xã trong đó có 2 xã miền núi (Quảng Đức, Quảng Sơn) và 4 xã trung du (Đường Hoa, Quảng Long, Quảng Thịnh, Quảng Chính). Vùng này có thể chia thành 2 tiểu vùng nhỏ:

- Tiểu vùng cao: Phát triển mạnh kinh tế đồi rừng, đẩy mạnh khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng rừng kết hợp trồng cây ăn quả và cây dược liệu như ba kích, phát triển chăn nuôi trâu bò. Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh phát triển dịch vụ xuất - nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, vận tải và các ngành công nghiệp hỗ trợ, phục vụ cho kinh tế biên, phát triển đô thị.

- Tiểu vùng trung du: vùng sản xuất nông sản hàng hoá như chè, cây ăn quả, trong vùng sẽ xây dựng một số trung tâm cụm xã làm điểm hội tụ về văn hoá, trao đổi khoa học kỹ thuật, cầu nối với vùng ven biển, thúc đẩy kinh tế phát triển.

b. Vùng kinh tế phía Nam: gồm 9 địa phương nằm trong Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái: Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà (bao gồm 4 đơn vị hành chính là các xã: Quảng Điền, Quảng Phong, Phú Hải và Cái Chiên); thị trấn

Quảng Hà và các xã: Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Minh, Quảng Trung và Tiên Tới.

- Phát triển Khu Công nghiệp – Cảng biển Hải Hà để đáp ứng nhu cầu cụ thể của nhà đầu tư trong sản xuất công nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển dịch vụ: Khai thác có hiệu quả dịch vụ trung tâm thị trấn Quảng Hà gắn chặt với sự phát triển Khu Công nghiệp – Cảng biển Hải Hà.

- Phát triển kinh tế biển và hải đảo: Hướng phát triển chính là khai thác hải sản, tận dụng bãi triều để nuôi trồng thủy hải sản theo phương thức thâm canh hoặc bán thâm canh kết hợp trồng rừng ngập mặn.

- Tập trung sản xuất lương thực, thực phẩm, phát triển chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản ven biển.

2. Không gian đô thị:

- Xây dựng đô thị Quảng Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Hải Hà, có chức năng tổng hợp tạo động lực phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng Đông Bắc Tỉnh Quảng Ninh, là đầu mối giao thông quan trọng của khu kinh tế Móng Cái - Hải Hà và các khu lân cận. Định hướng trong giai đoạn 2016 - 2020 xây dựng thị trấn Quảng Hà đạt đô thị loại IV; đến năm 2030 đạt đô thị loại III; Sau năm 2020, xây dựng thêm 01 đô thị loại V là: Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh.

- Phát triển thêm các trung tâm cụm xã nằm trên trục Quốc lộ 18A, đường liên huyện và một số trung tâm cụm xã nằm trên các trục đầu mối đường liên xã. Phát triển đô thị trên quan điểm bền vững, cần tập trung xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị trung tâm huyện – đô thị Quảng Hà, xây dựng mới 1 đô thị loại V, các thị tứ, tạo mối liên kết chặt chẽ với các trục kinh tế động lực của tỉnh Quảng Ninh, các trục hành lang kinh tế vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, ưu tiên xây dựng các khu nhà ở, khu dịch vụ - đô thị đáp ứng nhu cầu nhà ở của người lao động.

- Phát triển hệ thống đô thị và phân bố dân cư Khu Công nghiệp – Cảng biển. Xây dựng khu đô thị mới ở khu vực Bắc Nam – là nơi sinh sống của những người lao động làm việc ở khu vực khu công nghiệp, từ đó hình thành khu vực sản xuất có nhà ở và nơi làm việc tiếp giáp nhau.

VI. Danh mục các dự án ưu tiên:

Danh mục các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm được trình bày trong phụ lục kèm theo.

VII. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Giải pháp về nguồn lực:

a) Huy động các nguồn đầu tư:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2012 - 2020 dự kiến khoảng 46.500 tỷ đồng. Để thu hút đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu này, cần tập trung huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ: ngân sách Nhà nước; vốn nước ngoài (FDI);

vốn doanh nghiệp và tín dụng; vốn trong dân và các nguồn vốn khác (khai thác quỹ đất...), trong đó:

+ Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước chủ yếu dành cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, các dự án trọng điểm.

+ Thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đáp ứng 53-61% tổng nhu cầu còn lại thông qua các biện pháp xúc tiến đầu đầu tư; Cân xác định rõ nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tiềm năng để tăng cường tiếp cận; Thực hiện cải cách hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư; tạo thuận lợi trong đăng ký kinh doanh, giao đất, cho thuê đất, thuê mặt bằng, miễn giảm thuế và tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...

- Thực hiện sâu rộng và triệt để cải cách hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tập trung huy động vốn đầu tư từ bên ngoài theo hình thức liên doanh, liên kết như BOT, BT, BTO, hợp tác công - tư theo các mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư” “đầu tư công - quản lý tư” “đầu tư tư - sử dụng công”.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và quảng bá thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp và du lịch; Chủ động phối hợp với Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của Tỉnh nâng cao năng lực hoạt động xúc tiến đầu tư của huyện.

b) Phát triển nguồn nhân lực:

- Phân đầu đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực cho việc chuyển dịch cơ cấu việc làm từ các hoạt động nông nghiệp sang các ngành dịch vụ và công nghiệp; trong giai đoạn đến năm 2020, tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp sẽ giảm từ khoảng 78,6% xuống còn 30%, tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp tăng từ 5,2% lên 38% và tỷ lệ lao động trong ngành dịch vụ sẽ tăng từ 16,2% lên 32% trong tổng lực lượng lao động.

- Xác định các chương trình trọng điểm đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Tập trung chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; coi trọng đào tạo các chuyên ngành công nghiệp: Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp phục vụ các khu công nghiệp và một số lĩnh vực kinh tế chủ đạo của huyện, bao gồm các ngành như sau: (i) Ngành công nghiệp dệt may; (ii) Ngành chế biến nông sản - thực phẩm; (iii) Ngành công nghiệp chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, đặc biệt là hệ thống giáo dục đào tạo chính quy cho các thế hệ tương lai, từ giáo dục mẫu giáo, mầm non đến giáo dục phổ thông và đào tạo chuyên nghiệp dạy nghề gắn với các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của huyện và của Tỉnh.

- Nâng cao tay nghề của đội ngũ lao động cho các công việc hiện tại thông qua tăng năng suất lao động và năng lực. Nghiên cứu các chính sách đặc thù nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại huyện.

2. Nhóm giải pháp về liên kết vùng và phát triển thị trường:

- Về liên kết vùng: Xây dựng các chương trình hợp tác với các huyện, thành phố trong Tỉnh; đặc biệt là sự hợp tác giữa Khu tế cửa khẩu Móng Cái; Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh với khu Phòng Thành Cảng - Trung Quốc.

- Về phát triển thị trường:

+ Đối với thị trường trong nước: Nghiên cứu nhu cầu của các thành phố lớn trong vùng như: Hà Nội, Hải Phòng; thị trường lớn trong Tỉnh như Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn, Móng Cái... đồng thời quan tâm đặc biệt đến sức mua của thị trường nông thôn rộng lớn để tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh về giá cả, chất lượng, mẫu mã, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng đối với từng khu vực nông thôn và thành thị.

+ Đối với thị trường quốc tế: Nghiên cứu thị trường quốc tế và khu vực, trước hết là thị trường Trung Quốc để có thể phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm truyền thống và sản phẩm nông sản sạch thông qua các dự án liên kết sản xuất và chế biến; rau thực phẩm; chè và phát triển khu chăn nuôi công nghiệp (chăn nuôi lợn, gia súc...).

3. Nhóm giải pháp về phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh:

- Chủ động tiếp cận với 3 nhóm doanh nghiệp chính đó là: Doanh nghiệp đầu tư tại Khu Công nghiệp - Cảng biển; Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, biên mậu tại Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh; Doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề truyền thống và lĩnh vực nông nghiệp.

- Đổi mới môi trường chính sách quản lý và phát triển doanh nghiệp, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp nông thôn. Ngoài ra, cần có cơ chế tích cực kêu gọi các nhà đầu tư vào sản xuất chè sạch, sản xuất rau an toàn; đầu tư xây dựng khu chăn nuôi tập trung; phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà và xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại - dịch vụ khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh....

- Đối với việc thu hút các doanh nghiệp FDI: Phối hợp với các huyện bạn để tổ chức các chương trình vận động chung, tránh các xung đột, cạnh tranh giữa các địa phương, tiến dần bãi bỏ những ưu đãi đối với các nhà đầu tư thông thường để tăng khả năng thu hút những đối tác lớn và làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, các nhà đầu tư thuộc các nước phát triển OECD (Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Âu).

4. Nhóm giải pháp về ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ:

- Tập trung vào sản xuất sản phẩm mới và các hoạt động trao đổi, chuyên giao các tiến bộ công nghệ sản xuất trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ, nông nghiệp nhằm cải thiện chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.

- Hình thành mạng lưới các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn: trung tâm ứng dụng, chuyên giao công nghệ; phát triển các doanh nghiệp khoa học

công nghệ, ...; đồng thời, phòng nông nghiệp của huyện, thông qua hệ thống ngành dọc, thông qua hoạt động khuyến nông, hoạt động của các hiệp hội, tổ chức đoàn thể phổ biến thông tin về thị trường; về mô hình sản xuất; kỹ thuật nuôi trồng; về giống cây trồng vật nuôi mới, hiệu quả, phù hợp với điều kiện sản xuất của Tỉnh tới nông dân.

- Chú trọng việc quản lý các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, sinh thái cho sự phát triển bền vững của huyện.

5. Nhóm giải pháp về quy hoạch phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

- Tiếp tục phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa để nâng cao thu nhập cho người nông dân như: Quy hoạch và đi vào thực hiện vùng sản xuất tập trung, tiếp tục đầu tư thâm canh nuôi trồng thủy sản tại các xã ven biển, thực hiện phát triển các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch.

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ nông thôn như: dịch vụ cơ giới hóa, dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm,...

VII. Tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch:

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt, Huyện cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện và giám sát, kiểm tra đạt kết quả.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó, tiến hành rà soát lại quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từng thời kỳ. Các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

3. Công tác tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch cần được đổi mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực với cơ chế quản lý mạnh và độc lập để triển khai thực hiện thành công công cuộc đổi mới của huyện Hải Hà và của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là định hướng cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất..), các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Huyện trong Quy hoạch này, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt theo thẩm quyền và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch chung xây dựng phát triển đô thị và các quy hoạch, đề án của huyện, quy hoạch các điểm dân cư, kế hoạch sử dụng đất, các dự án đầu tư trên các lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển toàn diện và đồng bộ.

2. Nghiên cứu xây dựng đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo luật pháp của Nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

3. Lập các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể ưu tiên để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

Điều 4. Giao các sở, ban ngành trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với huyện Hải Hà trong quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; trong việc nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn; hỗ trợ Huyện trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô và có vai trò quan trọng, động lực đối với sự phát triển của Huyện đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này ban hành kèm theo Thuyết minh báo cáo tổng hợp, thuyết minh Quy hoạch chi tiết đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà ký trình phê duyệt; Có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3652/QĐ-UBND ngày 12/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà, các Sở, Ban, Ngành, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy, HND tỉnh (Báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- Như điều 3,4,5,6 (thực hiện);
- UBND các địa phương;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Các đồng chí Lãnh đạo và Chuyên viên VP UBND Tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, QH2.

100bản-QĐ103.12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đạc

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN HẢI HÀ GIAI ĐOẠN 2013-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên dự án
I	Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng
1	Xây dựng Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà
2	Kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư tại cụm công nghiệp Quảng Phong
	Xây dựng xí nghiệp thủy sản xuất khẩu
	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc
	Xây dựng nhà máy chế biến chè
	Xây dựng 01 nhà máy sản xuất gạch không nung.
3	Đầu tư cơ sở xử lý rau quả sơ bộ sau thu hoạch
4	Xây dựng kho lạnh bảo quản rau quả
5	Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân viên Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà và các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.
6	Xây dựng Hệ thống điện lưới ra xã đảo Cái Chiên
II	Lĩnh vực du lịch, dịch vụ
1	Các công trình dự án tại Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh
-	Nâng cấp đường biên giới Bắc Phong Sinh-Hoành Mô (tỉnh lộ 341).
-	Cầu đường bộ qua cửa khẩu;
-	Kết cấu hạ tầng khu thương mại-dịch vụ cửa khẩu
-	Bãi đỗ xe cửa khẩu; Kho, bãi hàng hóa cửa khẩu; nâng cấp chợ cửa khẩu
-	Trung tâm thương mại tổng hợp cửa khẩu (khách sạn, văn phòng giao dịch, siêu thị cửa hàng miễn thuế, nhà hàng...)
-	Phòng khám đa khoa khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh; Trung tâm Văn hóa-Thể thao.
-	Xây dựng chợ (mới) tại thôn 1 xã Quảng Trung (chợ loại 1).
2	Các dự án khác
-	Xây dựng cụm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái vui chơi giải trí trên đảo Cái Chiên.
-	Xây dựng hồ Trúc Bài Sơn trở thành điểm du lịch của huyện
-	Xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ quy mô 100 ha
-	Dự án xây dựng chợ nông thôn
III	Lĩnh vực nông lâm nghiệp thủy sản
1	Phát triển sản xuất vùng rau an toàn, chè an toàn
2	Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với các sản phẩm trồng các sản phẩm rau, củ, quả, hoa.
3	Xây dựng khu chăn nuôi (lợn, gia súc, gia cầm) tập trung và chế biến xuất khẩu; Dự án chăn nuôi bò sữa.

4	Dự án nuôi trồng hải sản quy mô công nghiệp tại các xã ven biển và đảo Cái Chiên
5	Trồng rừng nguyên liệu
6	Trồng dứa trên đất rừng
7	Chăn nuôi dưới tán rừng
IV	Kết cấu hạ tầng
1	Trung tâm văn hóa thể thao huyện; Sửa chữa, nâng cấp Sân vận động huyện.
2	Hoàn thiện trục đường chính nối QL18- KCN cảng biển
3	Xây dựng tuyến đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái (đoạn đi qua huyện Hải Hà).
4	Xây dựng tuyến đường KCN - cảng biển Hải Hà - nối đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái.
5	Xây dựng Nhà máy nước Hồ Tài Chi cấp nước cho Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà
6	Xây dựng trục 220 KV từ Mông Dương tới KCN cảng biển Hải Hà.
7	Xây dựng nhà máy Nhiệt điện phục vụ công nghiệp dệt may của công ty Texhong công suất >2000 MW.
8	Nhà máy nước Tài Chi
9	Nâng cấp Nhà máy nước Hải Hà
10	Nâng cấp Hồ Trúc Bài Sơn
11	Cứng hóa hệ thống hồ, đập
12	Tuyến đường công vụ: Từ thị trấn Quảng Hà - Khu công nghiệp Cảng biển.
13	Tuyến đường từ Quảng Minh qua Phú Hải, Quảng Điền ra KCN - cảng biển
14	Quảng Sơn - Bình Liêu 15 km (đường Lâm nghiệp cấp IV lên nhựa + bê tông)
15	Tuyến Ngã ba cửa hàng Quảng Phong - Ghềnh Vồ (3km, cấp IV lên bê tông)
16	Đường Tài Chi (13 km, đất, nâng cấp IV nhựa + bê tông)
17	Cứng hóa hệ thống giao thông nông thôn
V	Chương trình phát triển văn hóa - xã hội
1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất cho trạm y tế xã, bệnh viện đa khoa và Trung tâm Y tế huyện (chuẩn quốc gia, đầu tư cơ sở vật chất ngành y tế).
2	Dự án đào tạo nghề cho nông dân.
3	Dự án chuẩn hóa giáo dục (chuẩn quốc gia) các cấp.
4	Đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà văn hóa đạt chuẩn, các khu công viên cây xanh

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.